

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29/5/2023

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH BẮC KẠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thanh Tú;

2. Ông Phạm Văn Ngọ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Bà Âu Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án "Hôn nhân & Gia đình" thụ lý số 47/2023/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Sầm Thị N**, sinh năm 1984;

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Lường Văn T**, sinh năm 1978;

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Sầm Thị N trình bày:

Về hôn nhân và tình trạng hôn nhân: Ngày 24/9/2015, bà kết hôn với ông Lường Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Th), huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Nhưng đến năm 2018 thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm về công việc và cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, ông T nghiện rượu nặng, thường xuyên uống rượu say về đập phá đồ đạc, chửi bới vợ con, không chịu làm ăn, dẫn đến vợ chồng tranh cãi, chửi bới nhau thường xuyên. Đến năm 2020 thì vợ chồng sống ly thân, ông T bỏ về nhà mẹ đẻ ở tổ T, thị trấn Đ, huyện C sinh sống. Hiện nay bà xác định tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lường Văn T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung là Lường Gia M, sinh ngày 21/7/2016 hiện khỏe mạnh phát triển bình thường và đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có vay nợ chung,

* Tại đơn trình bày ý kiến và biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2023 bị đơn ông Lường Văn T khai:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Sầm Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Th), huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn ngày 24/9/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 bà N đi làm công ty và có quan hệ tình cảm ngoài luồng, do ông bị ốm nặng không tự sinh hoạt được, nhưng bà N bỏ bê không quan tâm, chăm sóc ông, đến năm 2022 ông về nhà mẹ đẻ ở tổ T, thị trấn Đ, huyện C sinh sống đến nay. Ông xác định giữa ông và bà N không còn tình cảm nữa, nhưng hiện nay bà N làm đơn xin ly hôn với ông thì ông không nhất trí ly hôn vì ông cảm thấy ức khi ông ốm đau, bệnh tật thì bà N không quan tâm, chăm sóc ông.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông và bà Sầm Thị N có 01 con chung là Lường Gia M, sinh ngày 21/7/2016. Nếu ly hôn, ông đề nghị bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung vì ông ốm yếu không có khả năng lao động nên không có khả năng nuôi con hay cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài chung và vay nợ chung: Ông và bà N có tài sản chung, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có vay, nợ chung.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự

kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng yêu cầu quy định. Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147/BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xem xét quyết định:

- Bà Sầm Thị N được ly hôn ông Lường Văn T.
- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự giao con chung Lường Gia M, sinh ngày 21/7/2016 cho bà Sầm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn ông Lường Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Ông Lường Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không đề nghị giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về vay nợ chung: Đương sự xác định không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bị đơn Lường Văn T không yêu cầu nguyên đơn Sầm Thị N phải cấp dưỡng nên không xem xét.
- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Sầm Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lường Văn T. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nên theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ đến bị đơn. Đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải với lý do đã ly thân một thời gian dài, mâu thuẫn rất trầm trọng, không có

tiếng nói chung. Căn cứ vào khoản 4 Điều 207/BLTTDS, xác định vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Ngày 10/5/2023, Tòa án đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, nhưng ông T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa. Việc mở lại phiên tòa để xét xử việc ly hôn theo yêu cầu của bà N là cần thiết để đảm bảo quyền lợi cho đương sự. Tại phiên tòa xét xử lần 2, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt và ông T tiếp tục vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà Sầm Thị N và ông Lương Văn T là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương nơi bà Sầm Thị N và ông Lương Văn T chung sống cho thấy: Tình trạng mâu thuẫn giữa bà N và ông T là rất trầm trọng. Nguyên nhân là ông T thường xuyên say rượu, đập phá đồ đạc, chửi bới vợ con, không chịu làm ăn, chính quyền và người thân đã đến can thiệp, khuyên nhủ nhưng ông T vẫn không thay đổi, ông T đã chuyển về sống cùng mẹ đẻ ở tổ T, thị trấn Đ từ đầu năm 2022 cho đến nay.

Kể từ khi ông T bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau, chính các đương sự cũng thừa nhận điều này. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, việc xin ly hôn của bà N là có cơ sở, cần được chấp nhận.

- *Về con chung:* Vợ chồng bà N và ông T có 01 con chung là Lương Gia M, sinh ngày 21/7/2016 hiện khỏe mạnh phát triển bình thường và đang sống cùng bà N. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Mặt khác ông T cho rằng bản thân ốm yếu, bệnh tật không có khả năng nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo cho trẻ em được phát triển tốt nhất về mọi mặt, sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ do bà N cung cấp, xét thấy việc giao con cho bà N được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng đảm bảo quyền lợi cho người chưa thành niên. Sau khi ly hôn, ông T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, ông Lương Văn T có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người nuôi con chung sau khi ly hôn bằng vụ án dân sự khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Sầm Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Đương sự xác định có tài sản chung, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Đương sự xác định không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Bà Sầm Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Sầm Thị N được ly hôn với ông Lường Văn T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lường Gia M, sinh ngày 21/7/2016 cho bà Sầm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Sầm Thị N không yêu cầu ông Lường Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn ông Lường Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Sầm Thị N và ông Lường Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về vay, nợ chung: Bà Sầm Thị N và ông Lường Văn T không có vay, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Sầm Thị N phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001987, ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận bà Sầm Thị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã T (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vi Hồng Lễ

